

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02 tháng 02 năm 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và ông Vũ Kim Quy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hải D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Châu Thị T trình bày: Chị và anh Lê Hải D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2011 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung, anh D tự ý quyết định tất cả mọi việc, không chia sẻ công việc gia đình và chăm lo con cái, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng càng trầm trọng, không thể khắc phục được, chị và anh D

đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị T xét thấy không còn tình cảm với anh D nữa, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị ly hôn anh Lê Hải D.

Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Lê Viễn Đ, sinh ngày 30/8/2011 và Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/12/2020. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Bảo C, giao cháu Lê Viễn Đ cho anh D nuôi dưỡng, không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hải D đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn Châu Thị T, bị đơn anh Lê Hải D là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Châu Thị T, xử cho cho ly hôn giữa chị T và anh D.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Viễn Đ, sinh ngày 30/8/2011 và Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/12/2020. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Bảo C, giao cháu Lê Viễn Đ cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp, cần chấp nhận. Chị T và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự không có nợ ai nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Châu Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Lê Hải D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh D có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Lê Hải D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Hải D có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/6/2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh D hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ công việc gia đình, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Hải D. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, quá trình chung sống giữa chị T và anh D thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Lê Hải D đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Lê Viễn Đ, sinh ngày 30/8/2011 và Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/12/2020. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Bảo C, giao cháu Lê Viễn Đ cho anh D nuôi dưỡng. Ý kiến của cháu Lê Viễn Đ muốn được ở với anh Lê Hải D. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không ai có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[3.4] Về nợ: Nguyên đơn xác định không nợ ai khoản nợ nào không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Châu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Châu Thị T và anh Lê Hải D.

2. Về con chung: Giao cho chị Châu Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 02/12/2020 cho đến khi cháu Bảo C đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Lê Hải D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Viễn Đ, sinh ngày 30/8/2011 cho đến khi cháu Đông đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Châu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 15625 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Dray Sáp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

